



Số : 215 /BCKT-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bru chính Viễn thông Sài Gòn*

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bru chính Viễn thông Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bru chính viễn thông Sài Gòn được lập ngày 09 tháng 04 năm 2019 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được trình bày từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

## Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Trung tâm Điện thoại Di động CDMA đã chấm dứt hoạt động và Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục pháp lý có liên quan, nhưng khoản đầu tư với giá trị là 175.710.330.627 VND chưa được xử lý.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang căn cứ vào tỷ lệ phần sở hữu theo vốn góp thực tế để phân loại khoản đầu tư vào S-Telecom là Đầu tư vào Công ty liên kết, Công ty chưa xem xét đến tỷ lệ kiểm soát trong S-Telecom.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số VII.1, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tình hình tài chính và hoạt động của S-Telecom đang gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, tại ngày 31/12/2018, Công ty còn các khoản phải thu khác (ngắn hạn và dài hạn) đã phát sinh từ các năm trước và khoản đầu tư vào S-Telecom, với giá trị lần lượt là 564,8 tỷ VND và 594,5 tỷ VND (chưa bao gồm khoản đầu tư vào Trung tâm điện thoại Di động CDMA)

Công ty không đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục, hồ sơ tiếp nhận khoản vốn tài trợ từ đối tác nước ngoài.

Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty S-Telecom phụ thuộc vào khả năng sinh lời trong tương lai và sự tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu vốn. Báo cáo tài chính này không bao gồm sự điều chỉnh nào liên quan đến tính không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Công ty S-Telecom.

## Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính viễn thông Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2019

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**  
Số Giấy CN ĐKHN  
Kiểm toán : 0739-2018-133-1

**Kiểm toán viên**

**Hoàng Thị Khánh Vân**  
Số Giấy CN ĐKHN  
Kiểm toán : 0371-2018-133-1

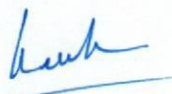
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,450,553,540,883</b>	<b>1,327,702,496,358</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>8,877,718,753</b>	<b>12,723,708,201</b>
1. Tiền	111		8,877,718,753	12,723,708,201
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>271,309,914</b>	<b>182,743,346</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2.b	271,309,914	182,743,346
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,408,213,664,508</b>	<b>1,269,578,636,742</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.a	181,159,870,552	168,997,291,703
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.a	7,263,652,107	5,232,776,726
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		7,513,693,950	6,889,980,504
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.a	1,300,668,286,317	1,173,904,082,140
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	3	(88,391,838,418)	(85,445,494,331)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>16,240,550,058</b>	<b>29,805,235,639</b>
1. Hàng tồn kho	141		17,862,911,755	31,439,324,136
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,622,361,697)	(1,634,088,497)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16,950,297,650</b>	<b>15,412,172,430</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	4,449,063,546	6,243,504,464
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12,501,234,104	9,168,667,966
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,036,585,466,051</b>	<b>1,125,454,961,787</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>92,070,490,526</b>	<b>92,127,798,496</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.b	92,070,490,526	92,127,798,496
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>311,701,933,861</b>	<b>390,676,786,667</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	154,442,286,647	201,482,297,841
- Nguyên giá	222		1,382,340,670,266	1,380,608,972,164
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,227,898,383,619)	(1,179,126,674,323)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	157,259,647,214	189,194,488,826
- Nguyên giá	228		421,445,366,717	421,445,366,717
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(264,185,719,503)	(232,250,877,891)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>8</b>	<b>14,338,052,869</b>	<b>10,460,517,618</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14,338,052,869	10,460,517,618
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>2.c</b>	<b>545,919,819,794</b>	<b>545,919,819,794</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		530,440,455,286	530,440,455,286
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16,470,669,148	16,470,669,148
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(991,304,640)	(991,304,640)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72,555,169,001</b>	<b>86,270,039,212</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	57,368,557,922	71,049,652,048
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		15,186,611,079	15,220,387,164
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,487,139,006,934</b>	<b>2,453,157,458,145</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>792,406,050,645</b>	<b>752,776,735,470</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>747,342,280,212</b>	<b>702,596,395,865</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.a	322,897,255,578	310,617,486,839
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15.a	7,506,978,778	5,327,110,012
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.a	35,687,414,680	40,934,463,230
4. Phải trả người lao động	314		15,258,944,019	9,598,327,639
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17.a	91,077,934,323	76,236,713,418
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2,221,092,406	4,422,659,337
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18.a	119,959,502,259	112,752,792,710
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13.a	152,733,158,169	141,446,266,917
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	544,204,188
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	716,371,575
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>45,063,770,433</b>	<b>50,180,339,605</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		132,833,334	148,944,144
2. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	11,197,416,382	2,853,693,007
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13.b	33,733,520,717	47,177,702,454
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,694,732,956,289</b>	<b>1,700,380,722,675</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1,694,732,956,289</b>	<b>1,700,380,722,675</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,203,917,290,000	1,203,917,290,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		605,544,544,445	605,544,544,445
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		25,154,024,481	25,154,024,481
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(139,882,902,637)	(134,235,136,251)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,487,139,006,934</b>	<b>2,453,157,458,145</b>

Người lập biểu



Đặng Trường Sinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thoa

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Sĩ Hóa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	556,764,349,304	731,621,339,941
2. Các khoản giảm trừ	02	2	385,087,463	459,148,456
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		556,379,261,841	731,162,191,485
4. Giá vốn hàng bán	11	3	509,136,233,403	638,038,627,867
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		47,243,028,438	93,123,563,618
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	77,478,983,810	64,086,859,930
7. Chi phí tài chính	22	5	20,455,364,845	17,376,185,395
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17,710,749,344	17,161,789,337
8. Chi phí bán hàng	24	8.a	15,934,407,458	18,806,076,118
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.b	87,458,492,947	120,183,474,546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		873,746,998	844,687,489
11. Thu nhập khác	31	6	21,788,962,647	6,804,211,822
12. Chi phí khác	32	7	20,844,933,320	4,127,315,316
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		944,029,327	2,676,896,506
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,817,776,325	3,521,583,995
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10	971,731,216	2,697,629,708
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		33,776,085	(1,435,281,820)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		812,269,024	2,259,236,107

Người lập biểu



Đặng Trường Sinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thoa

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Sĩ Hóa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Phương pháp gián tiếp****Năm 2018**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1,817,776,325</b>	<b>3,521,583,995</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>18,611,015,271</b>	<b>72,784,590,529</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	81,035,515,718	93,636,350,283
- Các khoản dự phòng	03	2,934,617,287	25,970,578,970
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	357,441,005	(258,546,770)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(76,967,272,673)	(63,725,581,291)
- Chi phí lãi vay	06	17,710,749,344	17,161,789,337
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(6,460,035,410)	
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>20,428,791,596</b>	<b>76,306,174,524</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(68,505,731,841)	(40,134,052,502)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	13,576,412,381	(4,499,940,279)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	33,613,003,303	64,674,674,873
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	15,614,676,760	(41,815,613,474)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5,717,506,730)	(6,511,149,590)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4,791,371,473)	(6,572,615,230)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(2,934,260,336)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4,218,273,996</b>	<b>38,513,217,986</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6,320,896,662)	(34,087,009,264)
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(88,566,568)	(6,200,709,669)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	28,100,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	859,931,276	6,450,061,533
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5,549,531,954)</b>	<b>(5,737,657,400)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Tiếp theo)  
Năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	164,837,155,733	195,061,917,674
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(166,994,446,218)	(211,921,253,728)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(32,239,407,113)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2,157,290,485)</b>	<b>(49,098,743,167)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(3,488,548,443)</b>	<b>(16,323,182,581)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12,723,708,201	28,788,344,012
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(357,441,005)	258,546,770
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8,877,718,753	12,723,708,201

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đặng Trường Sinh

Nguyễn Thị Kim Thoa

Hoàng Sĩ Hóa